TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN ĐỒ SƠN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Bản án số: 11/2020/HNGĐ-ST
Ngày 25-6-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thế Sự

Ông Trần Văn Hợp

- Thư kýp hiên tòa: Ông Vũ Văn Hoàng - Thư kýTòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Vũ Duy Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Đồ Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 46/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1984; nơi cư trú: Tổ dân phố Q, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Đàm Tuấn A, sinh năm 1981; nơi cư trú: Tổ dân phố Q, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; anh Tuấn A hiện đang cai nghiện ma túy tại Cơ sở cai nghiện ma túy Gia M; địa chỉ: Thôn C, xã Gia M, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 11-02-2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Đỗ Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị xây dựng hạnh phúc với anh Tuấn A trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hợp Đức, huyện Kiến Thụy (nay là phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn), thành phố Hải Phòng vào ngày 15-11-2004. Trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi vã, xô xát. Vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng từ đầu năm 2017, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bất đồng trong phát triển kinh tế gia đình,

trong cách nuôi dạy con cái. Ngoài ra, anh Tuấn A ham chơi theo bạn bè, nghiện chất ma túy; vay mượn, nợ nần nhiều bên ngoài, không giúp đỡ được gì cho cuộc sống gia đình. Chị khuyên ngăn nhiều lần nH1 không từ bỏ được. Hiện nay, anh Tuấn A đang phải đi cai nghiện, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, xin được ly hôn với anh Tuấn A.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đàm Thùy D, sinh ngày 09-8-2005 và Đàm Duy H1, sinh ngày 02-10-2010. Ly hôn, chị xin nhận nuôi các con D và H1 đến khi các con đủ 18 tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu anh Tuấn A cấp dưỡng nuôi con. Chị hiện nay đang làm nghề buôn bán hải sản, thu nhập ổn định hàng tháng là hơn 10.000.000 (Mười triệu) đồng. Hiện nay, chị và các con đang sống cùng ngôi nhà và thửa đất là tài sản chung của chị và anh Tuấn A. Chị có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con. Thực tế từ lâu chị đã là người nuôi dưỡng các con, là người chăm lo mọi việc cho gia đình. Anh Tuấn A thỉnh thoảng có đi làm nhưng không đủ cho một mình anh Tuấn A ăn tiêu, chơi bời.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, bị đơn vắng mặt. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án lấy lời khai của anh Tuấn A. Tại biên bản làm việc ngày 28-5-2020, anh Tuấn A trình bày:

Anh xây dựng hạnh phúc với chị H trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hợp Đức, huyện Kiến Thụy vào năm 2004. Trong cuộc sống sinh hoạt vợ chồng thỉnh thoảng có xảy ra mâu thuẫn nhỏ. Khoảng cuối năm 2017 thì mâu thuẫn dần lớn hơn từ khi chị H đi buôn bán hải sản. Vợ chồng thường bất đồng với nhau về quan điểm sống. Sau khi anh bị tai nạn chấn thương cột sống, vợ chồng mâu thuẫn, cuộc sống nhiều áp lực nên anh đã mắc nghiện sử dụng chất ma túy hơn một năm trước. Khi anh nhận ra tác hại của ma túy thì đã nghiện nặng hơn. Anh đã tự cai nghiện ma túy nhưng không được, cũng do nghiện ma túy mà vợ chồng mâu thuẫn nhiều hơn, vợ chồng có xảy ra xô xát. Anh biết mình nghiện sử dụng chất ma túy là sai, anh rất hối hận nên đã xin tự nguyện đi cai nghiện. Anh mong muốn chị H cho anh một cơ hội sửa chữa lỗi lầm để vợ chồng quay về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con. Trường hợp, chị H vẫn cương quyết xin ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Đàm Thùy D, sinh ngày 09-8-2005 và Đàm Duy H1, sinh ngày 02-10-2010. Nếu phải ly hôn, trước mắt anh đề nghị giao các con cho chị H nuôi dưỡng vì anh đang cai nghiện ma túy, chưa có điều kiện để nhận nuôi con. Sau này anh về sẽ xin thay đổi người trực tiếp nuôi con sau. Anh không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

Anh đang cai nghiện ma túy nên không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải được, không tham gia phiên tòa được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh tại phiên hòa giải, xét xử vắng mặt anh tại phiên tòa theo quy định pháp luật. Anh đề nghị gửi các văn bản tố tụng của Tòa án qua Cơ sở cai nghiện ma túy Gia M cho anh.

Tòa án thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bị đơn và tiến hành lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 và khoản 3 Điều 210 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đỗ Thị H với anh Đàm Tuấn A. Về con chung, giao các cháu D và H1 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, buộc chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Đỗ Thị H khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Đàm Tuấn A. Anh Tuấn A có nơi cư trú tại tổ dân phố Q, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật của vụ án là về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nhưng đều có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh Tuấn A.

- Về quan hệ hôn nhân:

[3] Chị H và anh Tuấn A kết hôn trên cở sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hợp Đức, huyện Kiến Thụy (nay là phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn), thành phố Hải Phòng vào ngày 15-11-2004 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

[4] Các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án thu thập được xác định: Chị H và anh Tuấn A kết hôn từ năm 2004. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến khoảng cuối

năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do anh Tuấn A nghiện chất ma túy nhưng không từ bỏ được dẫn đến mâu thuẫn tình cảm vợ chồng ngày một trầm trọng, kéo dài. Hiện nay, vợ chồng đang sống ly thân và không còn quan tâm gì đến nhau về tình cảm và kinh tế. Xét thấy, chị H và anh Tuấn A không còn yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, vi phạm quy định về tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 và Điều 21 của Luật Hôn nhân và gia đình. Như vậy, có thể thấy mâu thuân thuẫn tình cảm vợ chồng của chị H và anh Tuấn A đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh Tuấn A theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về nuôi con chung: Chị H và anh Tuấn A có 02 con chung là Đàm Thùy D, sinh ngày 09-8-2005 và Đàm Duy H1, sinh ngày 02-10-2010. Chị H có nguyện vọng nhận nuôi các con. Chị H có công việc, thu nhập ổn định, có chỗ ở đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con. Cháu D có nguyện vọng được ở với mẹ. Cháu H1 trình bày muốn được ở với cả bố và mẹ. Anh Tuấn A hiện đang cai nghiện ma túy tại Cơ sở cai nghiện ma túy Gia M, chưa có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con. Từ khi anh Tuấn A đi cai nghiện ma túy, các con do một mình chị H chăm sóc nuôi dưỡng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu nhận nuôi con của chị H. Chị H không yêu cầu anh Tuấn A phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị H được ly hôn anh Đàm Tuấn A.

2. Về con chung: Giao các cháu Đàm Thùy D, sinh ngày 09-8-2005 và Đàm Duy H1, sinh ngày 02-10-2010 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết hoặc cho đến khi chị H và anh Tuấn A có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009601 ngày 02-3-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị H và anh Tuấn A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- Đương sự;
- UBND phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hữu Trường

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Hồng Thơm **Nguyễn Thị Ninh** **Phạm Hữu Trường**